

Số: 53/2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2026

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn xác định nguồn, lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán
kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tinh
giảm biên chế;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng,
nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung
một số điều tại Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;*

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kinh tế ngành;

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn xác định nguồn, lập
dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản
biên chế.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn xác định nguồn, lập dự toán, quản lý, sử dụng và
quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị
định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về
tinh giản biên chế (sau đây viết tắt là Nghị định số 154/2025/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của
Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ trung
ương đến cấp xã (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) có đối tượng thực hiện chính
sách tinh giản biên chế quy định tại Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế

1. Đối với cán bộ, công chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao
động được áp dụng chế độ, chính sách như công chức theo quy định của Chính
phủ, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố tại khoản
1, khoản 4 và khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP:

a) Cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn dự toán ngân sách chi thường xuyên
được giao hàng năm (ngoài phần kinh phí ngân sách nhà nước bố trí thực hiện
chính sách tinh giản biên chế quy định tại điểm b khoản này) để chi trả các chế
độ sau:

- Trợ cấp một lần bằng 03 tháng tiền lương hiện hưởng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7, điểm a khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP;

- Trả nguyên tiền lương hiện hưởng và kinh phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (nếu thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp) trong thời gian đi học nghề và trợ cấp khoản kinh phí học nghề cho đối tượng theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP;

b) Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí để thực hiện các chế độ còn lại (ngoài chế độ tại điểm a khoản này) tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP theo nguyên tắc:

- Đối với cán bộ, công chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được áp dụng chế độ, chính sách như công chức theo quy định của Chính phủ thuộc, trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây viết tắt là các bộ, cơ quan trung ương) do ngân sách trung ương bảo đảm bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm giao cho các bộ, cơ quan trung ương;

- Đối với các đối tượng cán bộ, công chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng được áp dụng chế độ, chính sách như công chức theo quy định của Chính phủ, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố thuộc, trực thuộc các đơn vị ở địa phương do ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện chế độ theo quy định về phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và được tổng hợp vào nhu cầu cải cách tiền lương của địa phương.

2. Đối với viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1); đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2) theo quy định của Chính phủ:

a) Kinh phí thực hiện các chính sách tinh giản biên chế từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 11 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP;

b) Trường hợp đơn vị nhóm 1, nhóm 2 không đủ nguồn kinh phí để giải quyết chính sách, chế độ thì được sử dụng các quỹ được trích theo quy định của đơn vị sự nghiệp công lập (theo thứ tự: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi) và nguồn kinh phí cải cách tiền lương của đơn vị còn dư được trích lập từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp và nguồn thu hợp pháp khác (bao gồm cả nguồn thu phí được trích để lại theo quy định) để giải quyết chính sách, chế độ.

3. Đối với viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (nhóm 3) và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4):

a) Đơn vị sử dụng dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên được giao hằng năm (ngoài phần ngân sách nhà nước bố trí để thực hiện chính sách tinh giản biên chế quy định tại điểm b khoản này) để chi trả cho các chế độ sau:

- Trợ cấp một lần bằng 03 tháng tiền lương hiện hưởng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7, điểm a khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP;

- Trả nguyên tiền lương hiện hưởng và kinh phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (nếu thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp) trong thời gian đi học nghề và trợ cấp khoản kinh phí học nghề cho đối tượng theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP;

b) Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí để thực hiện các chế độ còn lại (ngoài chế độ tại điểm a khoản này) tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP theo nguyên tắc:

- Đối với đối tượng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc các bộ, cơ quan trung ương do ngân sách trung ương bảo đảm, bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Đối với đối tượng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc các đơn vị trực thuộc địa phương do ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện chế độ, chính sách và được tổng hợp vào nhu cầu cải cách tiền lương của địa phương.

4. Đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP:

a) Đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các cơ quan hành chính: Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế được bố trí từ nguồn dự toán ngân sách chi thường xuyên được giao hằng năm cho các cơ quan, tổ chức;

b) Đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các đơn vị sự nghiệp công lập: Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế được bố trí từ nguồn dự toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên được giao hằng năm và nguồn thu sự nghiệp của đơn vị.

5. Đối với các trường hợp khác:

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị có nguồn kinh phí hoạt động theo nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của cấp có thẩm quyền: Từ nguồn kinh phí hoạt động theo quy định tại các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của cấp có thẩm quyền (nếu có).

Điều 3. Lập dự toán, phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện chính sách tinh giản biên chế

Việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện chính sách tinh giản biên chế thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về kế toán, pháp luật khác có liên quan và quy định sau đây:

1. Lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện chính sách tinh giản biên chế:

a) Đối với các bộ, cơ quan ở trung ương:

Hàng năm, căn cứ tình hình thực hiện chính sách tinh giản biên chế (bao gồm số đối tượng tinh giản biên chế và số tiền trợ cấp cho từng đối tượng tinh giản biên chế do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đối tượng tinh giản biên chế lập và được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP), kế hoạch thực hiện tinh giản biên chế năm sau liền kề quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của bộ, cơ quan mình, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định;

b) Đối với các địa phương:

Căn cứ tình hình thực hiện chính sách tinh giản biên chế (bao gồm số đối tượng tinh giản biên chế và số tiền trợ cấp cho từng đối tượng tinh giản biên chế do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đối tượng tinh giản biên chế lập và được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP), kế hoạch thực hiện tinh giản biên chế năm sau liền kề quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, các địa phương xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế để tổng hợp chung vào nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương trong dự toán hàng năm của địa phương, trình cấp có thẩm quyền theo quy định;

c) Việc lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế phải bảo đảm xác định đầy đủ nhu cầu kinh phí trên cơ sở kế hoạch tinh giản biên chế đã được phê duyệt; phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước; hạn chế tối đa việc điều chỉnh, bổ sung dự toán trong năm ngân sách.

Trường hợp phát sinh tăng đối tượng tinh giản biên chế ngoài kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng dẫn đến thiếu nguồn kinh phí, việc xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Phân bổ, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện chính sách tinh giản biên chế:

a) Việc phân bổ, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bố trí thực hiện chính sách tinh giản biên chế thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật;

b) Kinh phí ngân sách nhà nước bố trí thực hiện chính sách tinh giản biên chế được phân bổ vào nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ của các đơn vị sử dụng ngân sách;

Theo kế hoạch thực hiện tinh giản biên chế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các bộ, cơ quan trung ương, cơ quan, đơn vị ở địa phương thực hiện chi trả các chế độ, chính sách cho các đối tượng tinh giản biên chế theo quy định.

3. Về quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế:

Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế được tổng hợp chung vào báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán của cơ quan, đơn vị hàng năm theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn.

Điều 4. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 5 năm 2026.

2. Thông tư số 13/2024/TT-BTC ngày 23 tháng 2 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./. y

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Ban chấp hành Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Công báo; Cổng TTĐT: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KTN (50 bản) n

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Biểu số 1a

(Kèm theo Thông tư số 53/2026/TT-BTC ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ, NGÀNH HOẶC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG:
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ....

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI NĂM ...
Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm nghỉ hưu	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1.000 đồng)				Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên				Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
I.	Khởi hành chính																										
	...																										
II.	Khởi sự nghiệp																										
	...																										
III.	Khởi doanh nghiệp																										
	...																										
IV.	Các tổ chức hội																										
	...																										
	TỔNG CỘNG																										

Ghi chú:
- Cột 14, 15 đề nghị liệt kê thêm hệ số lương và thời điểm hưởng của năm năm cuối trước khi tinh giản;
- Cột 16 = Theo khoản 1 Điều 5 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP;
- Cột 22 = cột 23 + cột 24 + cột 25.

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

Biểu số 1b

(Kèm theo Thông tư số 53/2026/TT-BTC ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ, NGÀNH HOẶC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG:
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ....

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI CHUYỂN SANG
TỔ CHỨC KHÔNG HƯỞNG KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN TỪ NGÂN SÁCH NĂM ...
Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp do đóng BHXH (1.000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp do đóng BHXH (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tính giảm biên chế	Tuổi khi giải quyết tính giảm biên chế	Tổng kinh phí để thực hiện (1.000 đồng)	Lý do tính giảm
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng cộng	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên				
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
I.	Khối hành chính																							
...																								
II.	Khối sự nghiệp																							
...																								
III.	Khối doanh nghiệp																							
...																								
IV.	Các tổ chức hội																							
...																								
	TỔNG CỘNG																							

Ghi chú:
- Cột 17 = Theo khoản 1 Điều 5 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP;
- Cột 22 = cột 16 x 3 tháng + 1/2 x cột 17 x cột 18.

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

Biểu số 1c

(Kèm theo Thông tư số 53/2026/TT-BTC ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ, NGÀNH HOẶC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG:
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ....

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI THÔI VIỆC NGAY NĂM ...
Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1.000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp do đóng BHXH (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tính gián biên chế	Tuổi khi giải quyết tính gián biên chế	Kinh phí để thực hiện tính gián biên chế (1.000 đồng)			Lý do tính gián
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tìm việc	Trợ cấp do đóng BHXH	
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
I.	Khởi hành chính																									
	...																									
II.	Khởi sự nghiệp																									
	...																									
III.	Khởi doanh nghiệp																									
	...																									
IV.	Các tổ chức hội																									
	...																									
	TỔNG CỘNG																									

Ghi chú:
- Cột 16 = (cột 4 + cột 6, 12 (nếu có)) x tiền lương cơ sở + cột 8, cột 10 (nếu có);
- Cột 17 = Theo khoản 1 Điều 5 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP;
- Cột 22 = cột 23 + cột 24.

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

Biểu số 1d

(Kèm theo Thông tư số 53/2026/TT-BTC ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ, NGÀNH HOẶC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG:
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ....

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI THÔI VIỆC SAU KHI ĐI HỌC NGHỀ NĂM ...

Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp do đóng BHXH (1.000 đồng)	Tiền lương tháng trợ cấp do đóng BHXH (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Thời điểm tính gián biên chế	Tuổi khi giải quyết tính gián biên chế	Kinh phí để thực hiện tính gián biên chế (1.000 đồng)						Lý do tính gián
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Tổng cộng	Tiền lương được hưởng trong thời gian học nghề	Chi phí học nghề	Trợ cấp tìm việc	Trợ cấp do đóng BHXH	Tiền đóng cho cơ quan BHXH trong thời gian học nghề	
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
I.	Khối hành chính																											
...																												
II.	Khối sự nghiệp																											
...																												
III.	Khối doanh nghiệp																											
...																												
IV.	Các tổ chức hội																											
...																												
	TỔNG CỘNG																											

Ghi chú:
- Cột 16 = (cột 4 + cột 6,12 (nếu có)) x tiền lương cơ sở + cột 8, 10 (nếu có);
- Cột 17 = Theo khoản 1 Điều 5 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP;
- Cột 22 = cột 16 x số tháng học nghề;
- Cột 23: chi phí cho khóa học nghề.

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

Biểu số 1đ

(Kèm theo Thông tư số 53/2026/TT-BTC ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

ĐỊA PHƯƠNG:
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ....

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ NGHỈ NGAY KỂ TỪ KHI THỰC HIỆN MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP NĂM ...
Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm ...

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tính gián biên chế	Tuổi khi giải quyết tính gián biên chế	Thời điểm nghỉ hưu	Kinh phí để thực hiện tính gián biên chế (1.000 đồng)				Lý do tính gián
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên				Tổng cộng	Trợ cấp tìm việc	Trợ cấp một lần bằng 0,8	Trợ cấp bằng 1,5 lần mức phụ cấp	
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
I.	Nguyễn Văn A																										
	...																										
II.	Nguyễn Văn B																										
	...																										
	TỔNG CỘNG																										

Ghi chú:
- Cột 14, 15 đề nghị liệt kê thêm hệ số lương và thời điểm hưởng của năm năm cuối trước khi tính gián;
- Cột 16 = Theo khoản 1 Điều 5 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP;
- Cột 22 = cột 23 + cột 24 + cột 25.

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

Biểu số 1e

(Kèm theo Thông tư số 53/2026/TT-BTC ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

ĐỊA PHƯƠNG:
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ....

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ DÔI DƯ
DO SẮP XẾP THÔN TỔ, TỔ DÂN PHỐ NGHỈ NGAY KỂ TỪ KHI CÓ QUYẾT ĐỊNH SẮP XẾP CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN NĂM ...
Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1.000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm nghỉ hưu	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1.000 đồng)				Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên				Tổng cộng	Trợ cấp tìm việc	Trợ cấp một lần bằng 0,8	Trợ cấp bằng 1,5 lần mức phụ cấp	
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
I.	Nguyễn Văn A																										
	...																										
II.	Nguyễn Văn B																										
	...																										
	TỔNG CỘNG																										

Ghi chú:
- Cột 14, 15 đề nghị liệt kê thêm hệ số lương và thời điểm hưởng của năm cuối trước khi tinh giản;
- Cột 16 = Theo khoản 1 Điều 5 và khoản 2 Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP;
- Cột 22 = cột 23 + cột 24 + cột 25.

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)